|  |  |
| --- | --- |
| HĐND TỈNH KON TUM | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **ĐOÀN GIÁM SÁT** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
|  |  |

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp nghiên cứu, đánh giá báo cáo về công tác đào tạo nghề.**

**I. HUYỆN ĐĂK HÀ.**

**1. Báo cáo của huyện:** Báo cáo số 797/BC-UBND ngày 20/9/2023 của UBND huyện Đăk Hà về kết quả triển khai công tác đào tào nghề trên địa bàn huyện và các phụ lục kèm theo.Báo cáo đúng thời gian quy định, tuy nhiên trong báo cáo UBND huyện chưa cơ cấu các mục theo đề cương.

1.1. Năng lực đào tạo: 24 ngành nghề (Phi nông nghiệp: 5 nghề, Nông nghiệp: 19 nghề), quy mô (Nông nghiệp: 3.840 người/năm, dưới 3 tháng; Phi nông nghiệp: 349 người/năm, sơ cấp)

1.2. Giáo viên: 28 người; giáo viên GDNN: 13 người

1.3. CSVC, thiết bị: cơ bản đảm bảo, phát huy sử dụng tốt, một số thiết bị không được sử dụng (Xưởng chế biến gỗ, các thiết bị chế biến gỗ, thiết bị mây tre đan, thiết bị nghề thú y)

1.4. Kết quả:

**- 2017 đạt 100%** chỉ tiêu 218 người (Nông nghiệp: 188; Phi nông nghiêp: 30), thực hiện 218 người.

**- 2018: đạt 100%** chỉ tiêu 265 người, thực hiện 265 người.

**- 2019: đạt 115% c**hỉ tiêu 265 người, thực hiện 294 người.

**- 2020: đạt 95,2%** chỉ tiêu 398 người, thực hiện 379 người.

**- 2021: đạt 69,3% c**hỉ tiêu 378 người**,** thực hiện 262 người.

**- 2022: đạt 134% c**hỉ tiêu 340 người, **t**hực hiện 457 người

**- 2023:** Chỉ tiêu 470 người (KH 353), thực hiện: đang triển khai

Lưu ý: đào tạo nghề phi nông nghiệp tốt vượt chỉ tiêu giao (2019: chỉ tiêu 40, thực 55; 2020 chỉ tiêu 50, thực hiện 92)

- Khảo sát nhu cầu học nghề giai đoạn 2021-2025: 1.860 người, bình quân 372 người/năm

**2. Một số hạn chế:**

- Thiếu giảng viên một số nghề

- Quyết định ban hành đơn giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp muộn *(22/8/2023*) nên nhiều học viên đăng kí học nghề đã thay đổi nhu cầu học

- Phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật số lượng còn ít *(20 nghề)* nên người lao động chưa có nhiều lựa chọn

**3. Kiến nghị của huyện:**

**-** Đề nghị triển khai, hướng dẫn, tổ chức tập huấn đội ngũ làm công tác dạy nghề của các cơ sở kịp thời. Ban hành giáo trình trong tỉnh thống nhất.

- Tổ chức cho các cơ sở dạy nghề cấp huyện đi học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh. Quan tâm bố trí kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất.

**-** Điều chỉnh nâng mức hỗ trợ tiền ăn cho các đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số tham gia học nghề.

**-** Bố trí biên chế quản lý nhà nước về công tác dạy nghề cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện và Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện.

**-** Phân bổ nguồn hỗ trợ mua sắm, sửa chữa... ở Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện.

**4. Các vấn đề bổ sung làm rõ thêm:**

***- Thiếu so với đề cương:***

+ Mục 2.7 (Thực hiện chế độ, chính sách cho học sinh sinh viên, học viên: học phí hỗ trợ chi phí học tập, học bổng, vay vốn HSSV).

 Phụ lục 5a thiếu số liệu chỉ tiêu năm 2022, 2023. Thiếu kết quả triển khai đến tháng 8 năm 2023.

***- Đánh giá chưa đúng:***

+ Đơn vị chưa thực hiện báo cáo đúng theo cơ cấu đề cương mục 2, phần I (về kết quả thực hiện)

- Mục 4 (Phần I) “-” đầu tiên, trang 10: “Tổng kinh phí thực hiện: 3.705.261 đồng ”

***- Đánh giá chưa rõ:***

+ Hình thức dạy tại trung tâm và lưu động, chưa rõ là những ngành nghề nào dạy tại trung tâm, ngành nghề nào dạy lưu động để làm rõ việc sử dụng, phát huy hiệu quả cơ sở vật chất được đầu tư tại trung tâm

+ Báo cáo có đánh giá liên kết với các Trung tâm GDNN-GDTX các huyện Sa Thầy, Đăk Tô, Ngọc Hồi đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng, nhưng không rõ số lượng và ngành nghề nào?

+ Về kinh phí: không báo cáo rõ từng nguồn.

**5. Báo cáo Trung tâm GDNN-GDTX.**

***- Thiếu so với đề cương.***

+ Chỉ tiêu dạy nghề năm 2022, 2023.

***- Đánh giá chưa đúng.***

+ Mục 6 là kết quả đào tạo, chứ không phải là chỉ tiêu giao; kết quả tổng chi tiêu đào tạo chưa chính xác, không khớp với phụ lục

+ Mục 7: Đào tạo trung cấp: số liệu 3 lớp/126 học viên, nhưng báo cáo 134 học viên

+ Mục 1, phần I đánh giá một số hạng mục, thiết bị nghề kém hiệu quả như chế biến gỗ, may đan tre, thú y. Nhưng tại phụ lục 3a vẫn đánh giá tình trạng “đang sử dụng”.

+ Mục 1 phần II: đánh giá số lao động nông thôn học xong có việc làm đạt trên 74%; trong phụ lục số tốt nghiệp có việc làm đạt 100%.

***- Đánh giá chưa rõ.***

+ Báo cáo có đánh giá liên kết với các Trung tâm GDNN-GDTX các huyện Sa Thầy, Đăk Tô, Ngọc Hồi đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng, nhưng không rõ số lượng và ngành nghề nào?

+ Chế độ, chính sách học viên học nghề tại đơn vị: chưa đánh giá hiện nay tại trung tâm đang thực hiện những chế độ chính sách cụ thể cho học viên, số lượng, việc chi trả.

+ Về kinh phí: không báo cáo rõ từng nguồn

**II. HUYỆN SA THẦY**

**1. Báo cáo của huyện:** Báo cáo số 714/BC-UBND ngày 25/9/2023 của UBND huyện Sa Thầy về kết quả triển khai công tác đào tào nghề trên địa bàn huyện và các phụ lục kèm theo. Báo cáo đúng thời gian quy định và cơ cấu các mục đảm bảo theo đề cương.

1.1. Năng lực: không báo cáo rõ quy mô năng lực. Hiện nay đào tạo 11 ngành nghề (NN 8 nghề, PNN 3 nghề)

1.2. Giáo viên: Tổng: 8 người. Giáo viên GDNN: 1 người

1.3. CSVC, thiết bị: cơ bản đảm bảo, phát huy sử dụng tốt. Riêng các thiết bị được đầu tư cho nghề mộc hiện nay chưa đưa vào hoạt động được do nhu cầu người học không có, đồng thời chưa có nhà giáo để giảng dạy ngành nghề này.

1.4. Kết quả

**- 2017: đạt trên 107%** chỉ tiêu 220, thực hiện 235 người

**- 2018: đat 137% c**hỉ tiêu 302, thực hiện 414 người

**- 2019: đạt 129% c**hỉ tiêu 350, thực hiện 452 người

**- 2020: đạt 81,4% c**hỉ tiêu 409**, t**hực hiện 333 người

**- 2021: đạt 103% c**hỉ tiêu 370**,** thực hiện: 381 người

**- 2022: đạt 105% c**hỉ tiêu 352**, t**hực hiện 370 người

**- 2023: không có số liệu**

Lưu ý: một số năm không giao chỉ tiêu dạy nghề phi nông nghiệp nhưng cơ sở vẫn có triển khai (2017; 45 người nghề chổi đót; 2019: 21 người nghề nề; 2020: 91 người nghề nề; 2021, 2022 chỉ tiêu giao ít nhưng tuyển sinh vượt)

1.5. Hạn chế

- Đầu tư thiết bị đào tạo rất ít

- Giáo viên tại trung tâm chỉ có 1 người

- Kinh phí quyết toán các chương trình MTQG rất thấp

1.6. Kiến nghị:

- UBND huyện tuyển dụng số biên chế giáo viên giáo dục nghề nghiệp

- Bổ sung danh mục đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu của lao động, đảm bảo sát với tình hình thực tế địa phương; đồng thời, đổi mới việc mở lớp đào tạo các nghề nhằm thu hút người lao động đăng ký tham gia.

**2. Những nội dung làm rõ:**

***- Thiếu so với đề cương.***

+ Kết quả thực hiện chỉ tiêu đến tháng 9 năm 2023, phục lục 5a không có số liệu thực hiện năm 2023.

+ Số liệu khảo sát nhu cầu người học.

***- Đánh giá chưa rõ.***

+ Năm 2020 chỉ đạt 81,4% chỉ tiêu, Năm 2021 ảnh hưởng dịch bệnh covid 19 lại vượt kế hoạch 103%. Nhưng nguyên nhân hạn chế nêu “Tình hình dịch bệnh COVID-19 đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc tổ chức các lớp dạy nghề”.

+ Chưa đánh giá với cơ sở vật chất, thiết bị được đầu tư, đội ngũ giáo viên tại trung tâm hiện có và nhu cầu học nghề trên địa bàn, trung tâm có thể đáp ứng dạy nghề được số lượng bao nhiêu?

+ Về cơ sở vật chất: được đầu tư đảm bảo nhưng chưa đánh giá cụ thể hình thức dạy nghề (dạy tại trung tâm hay dạy lưu động); hiệu quả việc sử dụng, nhất là nhà xưởng thực hành và ký túc xá.

+ Về trang thiết bị: Kết quả đào tạo nghề từ năm 2017-2023 đào tạo được 2.206 chỉ tiêu, trong đó có nghề phi nông nghiệp như nề hoàn thiện, dệt thổ cẩm. Tuy nhiên không có thể hiện về thiết bị đào tạo đối với những nghề này.

+ Về giáo viên: chỉ định biên 01 giáo viên dạy nghề, chủ yếu là thỉnh giảng nhưng chưa báo cáo rõ số giáo viên thỉnh giảng và dạy ngành nghề nào; thực hiện sử dụng người có tay nghề cao tham gia giảng dạy tại đơn vị.

+ Hình thức liên kết với các đơn vị có chức năng dạy nghề khác để thực hiện đảm bảo chỉ tiêu dạy nghề sơ cấp và dưới 3 tháng đã giao cho trung tâm.

+ Về phát triển chương trình, tài liệu giảng dạy: biên soạn 10 chương trình, tài liệu dạy nghề nông nghiệp, cần đánh giá rõ những tài liệu này đáp ứng đúng những nghề trung tâm đang thực hiện hay không.

+ Trong nội dung hạn chế khuyết điểm có đánh giá “học viên được đào tạo nghề nhưng không duy trì được nghề còn xảy ra” và trong phần kiến nghị có đề xuất “Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện việc đào tạo nghề cho lao động; kết quả đào tạo nghề phải đảm bảo thực chất, có chất lượng, tránh chạy theo chỉ tiêu, thành tích”. Nhưng trong hiệu quả sau đào tạo được đánh giá “Đa số học viên sau khi tốt nghiệp đều có việc làm *(chủ yếu tự tạo việc làm)”.*

**III. HUYỆN KON PLÔNG**

**1. Báo cáo của huyện:** Báo cáo của UBND huyện Kon Plông số 398/BC-UBND ngày 29/9/2023 về kết quả triển khai công tác đào tào nghề trên địa bàn huyện và các phụ lục kèm theo.Báo cáo cơ cấu các mục theo đề cương nhưng chậm hơn thời gian quy định.

1.1. Năng lực: 11 ngành nghề (NN 7, PNN 4), không báo cáo quy mô.

1.2. Giáo viên: 10 giáo viên cơ hữu, 2 thỉnh giảng (nghệ nhân)

1.3. CSVC: Phần lớn phát huy hiệu quả. Tuy nhiên một số hạng mục, thiết bị phát huy hiệu quả kém: nghề mộc, nghề sửa chữa xe máy, nghề điện; nghề nấm, nghề may, nghề mây tre đan, nghề dệt thổ cẩm, nghề tin học. Nguyên nhân: ít đào tạo hoặc không đào tạo các ngành, nghề nêu trên, các thiết bị hầu hết đều không sử dụng nên dần dần xuống cấp, hư hỏng.

1.4. Kết quả

**- 2017: đạt 100%** chỉ tiêu 500**,** thực hiện 500 người

**- 2018: đạt 92%** chỉ tiêu 500, **t**hực hiện 461 người

**- 2019: đạt 100%** chỉ tiêu 500**, t**hực hiện 500 người

**- 2020: đạt 99,8%** chỉ tiêu 500**,** thực hiện 499 người

**- 2021: đạt 88%** chỉ tiêu 500,thực hiện 441 người

**- 2022: đạt 91% c**hỉ tiêu 432, **t**hực hiện 392 người

**- 2023: đạt 93%** chỉ tiêu 360**,** đang thực hiện 333 người

Lưu ý: giao chỉ tiêu nghề phi nông nghiệp cao (2021: 300 chỉ tiêu, 2022: 297 chỉ tiêu)

1.5. Hạn chế:

- Thiếu giáo viên ở một số ngành nghề (ngành lâm sinh, chăn nuôi, điện-điện tử, sinh học)

- Hiện nay chỉ có 4 ngành nghề huyện đang triển khai nằm trong danh mục 20 nghề được phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật

- Mở lớp năm 2023 thực hiện chậm

1.6. Kiến nghị của huyện: Xem xét, ban hành quy định định mức kinh tế-kỹ thuật và đơn giá một số ngành, nghề phù hợp (ưu tiên những nghề dịch vụ du lịch)

**2. Các vấn đề cần làm rõ;**

***- Thiếu so với đề cương.***

+ Số liệu dự báo nhu cầu học nghề trên địa bàn huyện.

***- Đánh giá chưa đúng.***

+ Trong báo cáo mục 2.2 phần I đánh giá: cơ cấu ngành nghề chủ yếu tập trung vào các ngành, nghề như Hàn điện, nề cốt thép *(sơ cấp nghề)*, nhưng trong phụ lục 2a, 5a không tổ chức mở lớp hàn điện.

+ Trong báo cáo đánh giá thiết bị phát huy kém hiêu quả gồm nghề mộc, nghề sửa chữa xe máy, nghề điện. Nhưng trong danh mục danh mục đào tạo nghề của trung tâm không có những nghề trên; đối với thiết bị dạy nghề phát huy tốt, trong đó có nghề hàn, nhưng trong danh mục dạy nghề của đơn vị không có mở lớp nghề hàn.

***- Đánh giá chưa rõ.***

+ Trong chỉ tiêu đào tạo nghề năm 2021 có chỉ tiêu đào tạo nghề (dịch vụ khách sạn: 20 người, pha chế đồ uống: 20 người) nhưng không triển khai được, nguyên nhân *(không có nhu cầu hoặc không đảm bảo đội ngũ giảng dạy)?*

+ Chưa đánh giá với cơ sở vật chất, thiết bị được đầu tư, đội ngũ giáo viên tại trung tâm hiện có và nhu cầu học nghề trên địa bàn, trung tâm có thể đáp ứng dạy nghề được số lượng bao nhiêu?

+ Hình thức dạy nghề: dạy tại trung tâm hoặc dạy lưu động? Công suất sử dụng nhà xưởng thực hành và vườn thực nghiệm.

+ Về kinh phí: không báo cáo rõ từng nguồn.

**VI. HUYỆN TU MƠ RÔNG.**

**1. Báo cáo của huyện:** Báo cáo của UBND huyện số 703/BC-UBND ngày 28/9/2023 về kết quả triển khai công tác đào tào nghề trên địa bàn huyện và các phụ lục kèm theo.Báo cáo cơ cấu các mục theo đề cương nhưng chậm hơn thời gian quy định.

1.1. Năng lực: 12 ngành nghề (10 nông nghiệp, 2 phi nông nghiệp).

1.2. Giáo viên: 8 giáo viên cơ hữu

1.3. Cơ sở vật chất: chưa có nhà thực hành, chưa được đầu tư thiết bị dạy nghề

1.4. Kết quả (không báo cáo số chỉ tiêu giao)

- 2018: 280 người

- 2019: 428 người

- 2020: 464 người

- 2021: 35 người

- 2022: 571 người (180 PNN)

1.5. Hạn chế:

- Tiếp cận người học để tư vấn, khảo sát gặp khó khăn do địa bàn cách trở

- Tổ chức các lớp học nghề chưa mang lại hiệu quả kinh tế do phần lớn học viên người DTTS tiếp thu chậm, thiếu vốn đầu tư mở rộng sẳn xuất phát triển kinh tế gia đình

1.6. Kiến nghị của huyện

- Đề xuất UBND tỉnh, Trung ương nên có chính sách tạo việc làm và định hướng nghề nghiệp đối với học viên ở các vùng đặc biệt khó khăn (khu vực III) sau khi đã tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Nhà nước cần có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư có chất lượng vào hoạt động trong địa bàn vùng khó khăn để thu hút nguồn lao động tại địa phương.

**2. Các vấn đề cần bổ sung, làm rõ:**

***- Thiếu so với đề cương:***

+ Phụ lục 1a ban hành văn chỉ đạo điều hành.

+ Phụ lục 2a thiếu chỉ tiêu giao dạy nghề hàng năm.

+ Số liệu dự báo nhu cầu học nghề trên địa bàn huyện.

***- Đánh giá chưa đúng:***

+ Số liệu chưa khớp: Mục 2.6 (phần I) về kết quả đào tạo và liên kết đào tạo đánh giá: “Từ năm 2018 đến năm 2022, trên địa bàn huyện đã đào tạo và cấp chứng chỉ cho 1.754 học viên. Trong đó, có 100 học viên lớp nghề sơ cấp và 1.654 học viên lớp nghề thường xuyên dưới 3 tháng”, nhưng mục 1 (phần I) đánh giá: “từ năm 2018-2023 Trung tâm đã mở được 46 lớp với tổng số học viên qua đào tạo là 1.499 học viên”

***- Đánh giá chưa rõ:***

+ CSVC: việc phát huy sử dụng cơ sở vật chất được đầu tư.

+ Giáo viên: được bố trí 8 giáo viên, chưa đánh giá rõ số giáo viên này đảm bảo giảng dạy tất cả các ngành nghề đang được triển khai trên địa bàn.

+ Số học viên tốt nghiệp có việc làm

+ Phụ lục 6 chưa rõ nguồn kinh phí từ chương tình mục tiêu quốc gia

**V. HUYỆN KON RẪY.**

**1. Báo cáo của huyện:** Báo cáo của UBND huyện Kon Rẫy số 368/BC-UBND ngày 27/9/2023 về kết quả triển khai công tác đào tào nghề trên địa bàn huyện và các phụ lục kèm theo.Báo cáo cơ cấu các mục theo đề cương nhưng chậm hơn thời gian quy định.

1.1. Năng lực: Hiện nay đào tạo 12 ngành nghề (NN 10, PNN 2), quy mô năng lực Nông nghiệp 460 người/năm. Phi nông nghiệp 140 người/năm

1.2. Giáo viên: Tổng 9 người, Giáo viên GDNN 7 người

1.3. CSVC, thiết bị: Xuống cấp, hư hỏng, không sử dụng, lạc hậu không phù hợp với hiện nay, còn thiếu cần thiết phải đầu tư.

1.4. Kết quả

**- 2017: đạt 100%** chỉ tiêu 210 (NN 210)**,** thực hiện: 210 (NN 210)

**- 2018: đat 120%** chỉ tiêu 225 (NN 200; PNN 25)**,** thực hiện 269

**- 2019: đạt 105%** chỉ tiêu 275 (NN 235; PNN 40)**,** thực hiện 288

**- 2020: đạt 92%** chỉ tiêu 343 (NN 270; PNN 73)**,** thực hiện: 315

**-2021: Covid 19 không triển khai** (chỉ tiêu: 0**,** thực hiện 0)

**- 2022: đạt 90% c**hỉ tiêu 350 (NN210; PNN 140)**,** thực hiện 315

**- 2023: đạt 64%** chỉ tiêu 380**,** thực hiện 245

1.5. Hạn chế

- Một số địa phương chưa làm tốt vai trò trong khảo sát, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề.

- Công tác phân luồng học sinh Trung học cơ sở, Trung học phổ thông tham gia học nghề còn hạn chế.

- Hiệu quả sau đào tạo nghề chưa cao, việc gắn kết với doanh nghiệp trong công tác đào tạo nghề còn hạn chế.

1.6. Kiến nghị:

- Quy định chi tiết, cụ thể các thiết bị đào tạo được phép trang bị, đầu tư tại Trung tâm cấp huyện để đơn vị thực hiện tốt công tác đào tạo nghề cho người lao động đối với từng ngành, nghề.

- Ban hành Danh mục và định mức kinh tế kỹ thuật, định mức đơn giá đào tạo đối với những nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng còn lại không có trong Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Trung tâm thực hiện công tác đào tạo nghề thuận lợi hơn.

**2.Các vấn đề cần bổ sung, làm rõ:**

***- Thiếu so với đề cương:***

+ Số liệu khảo sát nhu cầu học nghề

+ Chưa đánh giá tình trạng sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho đào tạo;

***- Báo cáo đánh giá chưa rõ:***

+ Phụ lục 3a về tình trạng phát huy hiệu quả thiết bị dạy nghề: không phân loại rõ thiết bị phục vụ dạy ngành nghề gì.

+ Phục lục 5a: chỉ tiêu dạy nghề năm 2023 chưa phân rõ chỉ tiêu nông nghiệp và phi nông nghiệp

+ Phụ lục 6: chưa nêu rõ nguồn kinh phí từ chương trình mục tiêu quốc gia nào

+ Mục 4 (phần I): đánh giá kết quả thanh tra, kiểm tra và việc khắc phục kết luận qua thanh tra, kiểm tra chưa cụ thể *(năm thanh kiểm tra, kết luận những nội dung, kết quả khắc phục từng nội dung của đơn vị dạy nghề)*

**IV. HUYỆN NGỌC HỒI.**

**1. Báo cáo của huyện:** Báo cáo của UBND huyện Ngọc Hồi số 989/BC-UBND ngày 02/10/2023 về kết quả triển khai công tác đào tào nghề trên địa bàn huyện và các phụ lục kèm theo.Báo cáo cơ cấu các mục theo đề cương nhưng chậm hơn thời gian quy định.

1.1. Năng lực: 12 ngành nghề (NN: 11, PNN: 1), không báo cáo quy mô

1.2. Giáo viên: 3 giáo viên cơ hữu, 3 thỉnh giảng

1.3. CSVC: cơ bản phát huy hiệu quả. Riêng thiết bị nghề điện dân dụng không thực hiện được. Nguyên nhân: thiết bị xuống cấp hư hỏng

1.4. Kết quả

**- 2017: đạt 99,4% c**hỉ tiêu 320**, t**hực hiện 318 người.

**- 2018: đạt 122%** chỉ tiêu 350**, t**hực hiện 380 người.

**- 2019: đạt 108% c**hỉ tiêu 455, thực hiện 471 người.

**- 2020: đạt 51,4%** chỉ tiêu 455**,** thực hiện 313 người.

**- 2021: đạt 103%** chỉ tiêu 380**,** thực hiện 393 người.

**- 2022: đạt 125%** chỉ tiêu 370**,** thực hiện 461 người.

**- 2023: đạt 55%** chỉ tiêu 480**,** đang thực hiện 265 người

 Phần lớn thực hiện đạt, vượt chỉ tiêu giao

1.5. Hạn chế

- Mở lớp khó khăn do không đủ số lượng học viên

- Không có giáo viên nghề phi nông nghiệp nên không triển khai mở lớp tại trung tâm

- Liên kết với doanh nghiệp đào tạo hạn chế

1.6. Kiến nghị của huyện:

- Nghiên cứu ban hành cơ chế khuyến khích và ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào quá trình giáo dục nghề nghiệp.

- Bổ sung quy định về đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp, cao đẳng lên trình độ đại học với đối tượng học sinh có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông, giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp đủ điều kiện liên thông đại học theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 34 Luật Giáo dục 2019.

- Đối với đối tượng là Bộ đội, công an xuất ngũ hoặc người có thẻ học nghề: Đề nghị tăng thêm thời hạn thẻ là 1,5 năm thay vì 1 năm như hiện nay. Nới rộng phạm vi sử dụng thẻ học nghề cho phép học lên Trung cấp, Cao đẳng nếu thiếu kinh phí học tập người học sẽ phải đóng góp thêm để hoàn thành khoá học chứ không nên giới hạn chỉ được học hệ sơ cấp như hiện tại.

- Bổ sung Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện được thụ hưởng hỗ trợ kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Sở Lao động - TBXH phối hợp với các đơn vị liên quan sớm mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng các chức danh GDNN các hạng để nhà giáo ở các cơ sở GDNN được tham gia nhằm đạt chuẩn theo quy định; Sớm ban hành các ngành, nghề được phép đào tạo nghề ngoài 20 ngành nghề đã ban hành.

**2. Các vấn đề bổ sung:**

***- Thiếu số với đề cương:***

+ Số liệu khảo sát nhu cầu học nghề

+ Kết quả có việc làm sau đào tạo

+ Phụ lục 1: Văn bản ban hành

***- Báo cáo đánh giá chưa rõ:***

+ Chưa đánh giá việc phát huy cơ sở vật chất được đầu tư, nhất là các nhà xưởng thực hành

+ Không nêu rõ số lượng giáo viên giảng dạy nghề; việc bố trí giáo viên như thực trạng có đảm bảo được việc thực hiện chỉ tiêu của đơn vị không

+ Mục 2.7 (phần I): chưa rõ việc thực hiện từng chế độ, chính sách cụ thể cho học viên đào tạo nghề của đơn vị

+ Mục 4 (phần I): đánh giá kết quả thanh tra, kiểm tra và việc khắc phục kết luận qua thanh tra, kiểm tra chưa cụ thể (năm thanh kiểm tra, kết luận những nội dung, kết quả khắc phục từng nội dung của đơn vị dạy nghề).

+ Phụ lục 5a báo cáo có tổ chức các lớp phi nông ngiệp gồm: điện dân dụng, du lịch cộng đồng, vận hành máy nông nghiệp, kỹ thuật pha chế đồ uống. Nhưng phụ lục 2a về quy mô đào tạo không thể hiện những ngành nghề trên

+ Phụ lục 6: chưa rõ tên từng nguồn vốn.

**VII. HUYỆN ĐĂK TÔ**

**1. Báo cáo của huyện:** Báo cáo của UBND huyện Đăk Tô số 406/BC-UBND ngày 02/10/2023 về kết quả triển khai công tác đào tào nghề trên địa bàn huyện và các phụ lục kèm theo.Báo cáo cơ cấu các mục theo đề cương nhưng chậm hơn thời gian quy định.

1.1. Năng lực: 21 ngành nghề, quy mô NN: không báo cáo (16 nghề). PNN: 470 người (5 nghề)

1.2. Giáo viên: Tổng 11 người; Giáo viên GDNN 8 người

1.3. CSVC, thiết bị: cơ bản đảm bảo, phát huy sử dụng tốt. Riêng các thiết bị được đầu tư chưa phát huy hiệu quả sử dụng gồm Thiết bị đào tạo nghề Điện dân dụng - điện lạnh, nghề May dân dụng - may công nghiệp, nghề Gò hàn, nghề mộc. Nguyên nhân: không có giáo viên nghề; không có nhu cầu học.

1.4. Kết quả

**- 2017: đạt 77%,** chỉ tiêu 250, thực hiện 192 người (NN 134, PNN 58)

**- 2018: đạt 122%** chỉ tiêu 250**,** thực hiện 305 người

**- 2019: đạt 108%** chỉ tiêu250**,** thực hiện 269 người

**- 2020: đạt 104% c**hỉ tiêu 270**, t**hực hiện 280 người

**- 2021: đạt 51,4% c**hỉ tiêu270**, t**hực hiện 139 người

**- 2022: đạt 100% c**hỉ tiêu390**, t**hực hiện 390 người

- Nhu cầu qua khảo sát: có khoảng 2000 lao động có nhu cầu, bình quân nhu cầu đào tạo 330/người/năm

1.5. Hạn chế.

- Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện, nhất là công tác khảo sát nhu cầu, công tác hướng nghiệp, phân luồng chưa được thường xuyên chưa đạt hiệu quả cao.

- Chưa gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp.

- Kết quả học tập, rèn luyện của học viên ở các lớp bổ túc văn hóa còn thấp; Lao động sau học nghề chủ yếu là tự tạo việc làm chưa có việc làm mới.

- Công tác kiểm tra, giám sát có thời điểm chưa kịp thời.

1.6. Kiến nghị:

- Xem xét bổ sung Trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện là đối tượng thụ hưởng các chính sách liên quan đến giáo dục nghề nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Sớm tham mưu xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá đào tạo một số ngành nghề, truyền thống như dệt thổ cẩm, nấu rượu cần

2. **Những nội dung làm rõ:**

***- Thiếu số với đề cương:***

+ Số liệu khảo sát nhu cầu học nghề

+ Phục lục 5a không có số liệu về chỉ tiêu giao hàng năm; số có việc làm sau đào tạo

+ Phụ lục 6 không có số liệu kinh phí năm 2023

***- Báo cáo chưa đánh giá rõ:***

+ Mục 2.7 (Phần I). Thực hiện chế độ, chính sách cho học sinh sinh viên, học viên: chưa đánh rõ từng chế độ, chính sách và chi trả cho học viên

+ Về liên kết với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác để đào tạo theo nhu cầu ở các trình độ “vì nhiều nguyên nhân đến nay vẫn mới dừng lại ở việc ký kết thỏa thuận, chưa mở được lớp đặt địa điểm đào tạo tại Trung tâm”: cần đánh giá rõ nguyên nhân

**VIII. HUYỆN ĐĂK GLEI.**

**1. Báo cáo của huyện:** Báo cáo của UBND huyện Đăk Glei số 627/BC-UBND ngày 26/9/2023 về kết quả triển khai công tác đào tào nghề trên địa bàn huyện và các phụ lục kèm theo.Báo cáo cơ bản đảm bảo theo đề cương nhưng chậm hơn thời gian quy định.

1.1. Năng lực: Hiện nay đào tạo 11 ngành nghề (NN 10 nghề, PNN 1 nghề), quy mô năng lực: NN không báo cáo quy mô, PNN 70 người/năm.

1.2. Giáo viên:

- Tổng: 7 người

- Giáo viên GDNN: 4 người, GV thỉnh giảng 3 người

1.3. CSVC, trang thiết bị dạy nghề đảm bảo điều kiện dạy học.

1.4. Kết quả

**- 2017: đạt 100%** chỉ tiêu 315 (NN 245; PNN 70), thực hiện 315 người

**- 2018: đạt 100%** chỉ tiêu 350 (NN 280; PNN 70), thực hiện 350 người

**- 2019: đạt 99%** chỉ tiêu 350 (NN 280; PNN 70), thực hiện 348 người

**- 2020: đạt 100%** chỉ tiêu 277 (NN 242; PNN 35), thực hiện 277 người

**-2021: đạt 96%** chỉ tiêu 102 (NN), thực hiện 98 người

**- 2022: đạt 99,7%** chỉ tiêu 375 (NN 270; PNN 105), thực hiện 374 người

**- 2023: đạt 100%** chỉ tiêu 175 (NN140; PNN 35), thực hiện: 175 người

1.5. Hạn chế

- Công tác phối hợp tuyên truyền, tư vấn, khảo sát nhu cầu đào tạo nghề lao động nông thôn ở một số cấp ủy, chính quyền xã chưa tốt; việc phối hợp với doanh nghiệp giải quyết việc làm còn hạn chế. Tâm lý của phần lớn phụ huynh có con là học sinh đã tốt nghiệp THPT đều có nguyện vọng được theo học ở các trường Đại học.

- Công tác gắn kết GDNN còn nhiều khó khăn, các doanh nghiệp chưa tích cực tham gia hoạt động GDNN.

1.6. Kiến nghị:

- Bổ sung Trung tâm GDNN-GDTX huyện vào đối tượng được thụ hưởng các Chương trình mục tiêu quốc gia để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

- Có văn bản hướng dẫn và chỉ đạo để huyện triển khai thanh quyết toán đối với các lớp nghề đã đào tạo xong.

- Kiến nghị UBND tỉnh khi giao chỉ tiêu đào tạo nghề cho người lao động hàng năm cho huyện, cần bám sát nhu cầu thực tế của huyện.

**2.Các vấn đề cần bổ sung, làm rõ:**

***- Thiếu so với đề cương:***

+ Số liệu khảo sát nhu cầu học nghề.

+ Số liệu quy mô trình độ đào tạo dưới 3 tháng Phụ lục 2

- Đánh giá chưa đúng:

+ Mục 3 (phần I) đánh giá nguyên nhân chủ quan: Lực lượng giáo viên giảng dạy còn mỏng (3 giáo viên phụ trách 3 nghề) nên phần nào ảnh hưởng đến chỉ tiêu và chất lượng dạy nghề. Nhưng phụ lục 4a có 4 giáo viên cơ hữu, 3 giáo viên thỉnh giảng

***- Báo cáo chưa đánh giá rõ:***

+ Chưa đánh giá việc phát huy cơ sở vật chất đầu tư cho trung tâm, phục vụ trực tiếp cho việc mở lớp dạy nghề tại trung tâm.

+ Mục 2.7 (Phần I). Thực hiện chế độ, chính sách cho học sinh sinh viên, học viên: chưa đánh rõ từng chế độ, chính sách và chi trả cho học viên

**IX. TP KON TUM.**

**1. Báo cáo của huyện:** Báo cáo của UBND thành phố Kon Tum số 779/BC-UBND ngày 01/10/2023 về kết quả triển khai công tác đào tào nghề trên địa bàn huyện và các phụ lục kèm theo.Báo cáo cơ bản đảm bảo theo đề cương nhưng chậm hơn thời gian quy định.

Không có Trung tâm GDNN và GDTX

1.2. Kết quả

**- 2017: đạt 44%** chỉ tiêu 434 (NN 237; PNN 197), thực hiện 193 người

**- 2018: đat 205%** chỉ tiêu 130 (NN 105; PNN 25), thực hiện 266 người

**- 2019: đạt 52%** chỉ tiêu 1135 (NN 730; PNN 405), thực hiện 593 người

**- 2020: đạt 84%** chỉ tiêu 312 (NN 255; PNN 57), thực hiện: 262 người

- **2021: đạt 88%** chỉ tiêu 327 (NN 227; PNN 100), thực hiện: 289 người

**- 2022: đạt 65%** chỉ tiêu 435 (NN 180; PNN 255), thực hiện 282 người

**- 2023: đạt 0%** chỉ tiêu 410 (NN 275; PNN 135), Thực hiện: 0

1.3. Hạn chế

- Kết quả triển khai thấp, năm 2023 chưa triển khai.

- Kết quả khảo sát nắm bắt nhu cầu học nghề của lao động ở một số xã, phường còn chưa sát với thực tế,

- Nhận thức của người lao động về học nghề, còn hạn chế dẫn đến việc vắng học, bỏ học.

- Việc tìm kiếm việc làm của các học viên sau khi tốt nghiệp khó khăn, chủ yếu tự tạo việc làm gắn với hoạt động sản xuất tại gia đình.

1.4. Kiến nghị:

- Đề nghị cấp có thẩm quyền hướng dẫn xác định người lao động có thu nhập thấp để triển khai giai đoạn 2021-2025.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sớm ban hành Quyết định danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo cho từng nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới ba tháng.

**2.Các vấn đề cần bổ sung, làm rõ:**

- Tất cả các năm đều không đạt chỉ tiêu, năm 2018 vượt 205% chỉ tiêu.

- Năm 2023 chỉ tiêu 410 người nhưng chưa triển khai.

- Làm rõ đề nghị “Ủy ban nhân dân tỉnh sớm ban hành Quyết định danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo cho từng nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới ba tháng cho các nghề khi chưa có quy định định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.

**X. HUYỆN IA H’DRAI.**

**1. Báo cáo của huyện:** Báo cáo của UBND huyện Ia H’Drai số 611/BC-UBND ngày 25/9/2023 về kết quả triển khai công tác đào tào nghề trên địa bàn huyện và các phụ lục kèm theo.Báo cáo cơ bản đảm bảo theo đề cương nhưng gửi về Đoàn giám sát chậm hơn thời gian quy định.

Không có Trung tâm GDNN và GDTX

1.2. Kết quả

**- 2017: đạt 100%** chỉ tiêu 25 (NN 25), thực hiện 25 người

**- 2018: đat 100%** chỉ tiêu 30 (NN 30), thực hiện 30 người

**- 2019: đạt 100%** chỉ tiêu 42 (NN 42), thực hiện 42 người

**- 2020: đạt 0 %** chỉ tiêu 120 (NN 120), thực hiện: 0

**- 2021: đạt 0 %** chỉ tiêu 160, thực hiện 0

**- 2022: đạt 0 %** chỉ tiêu 140, thực hiện 0

**- 2023: đạt 0%** chỉ tiêu 410, thực hiện: 0

1.3. Hạn chế

- Chưa có cơ sở đào tạo nghề.

- Nhận thức của người lao động về học nghề còn hạn chế; có tình trạng bỏ học sau khi nhập học, bỏ việc sau khi được giới thiệu việc làm.

- Công tác thống kê, đánh giá hiệu quả sau đào tạo, các lao động chưa có việc làm sau học nghề chưa được cập nhật thường xuyên.

1.4. Kiến nghị:

Đề nghị cấp trên chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh tạo điều kiện ưu tiên hơn đối với huyện Ia H’Drai chưa có cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc phối hợp đào tạo nghề nhằm đảm bảo được chỉ tiêu giao hàng năm.

**2.Các vấn đề cần bổ sung, làm rõ:**

- Năm 2020 - 2023 không triển khai công tác đào tạo nghề.

- Kết quả, chỉ tiêu đào tạo trên địa bàn huyện tại mục 2.3 trang 2 và tại Phụ lục 5a.

**XI. TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM.**

**1. Báo cáo:** số 229/BC-CĐKT ngày 19/9/2023 về kết quả triển khai công tác đào tào nghề và các phụ lục kèm theo.Báo cáo cơ bản đảm bảo theo đề cương và đúng thời gian quy định.

1.1. Năng lực, quy mô:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm/ giai đoạn** | **Quy mô tuyển sinh/năm (HSSV)** | **Ghi chú** |
| **Tổng cộng** | **Cao đẳng** | **Trung cấp** | **Sơ cấp** |
| 1 | **2018** | 1.460 | 460 | 680 | 320 |  |
| 2 | **2019** | 2.875 | 690 | 1.305 | 880 |  |
| 3 | **2020** | 3.045 | 750 | 1.305 | 990 |  |
| 4 | **2021** | 2.795 | 605 | 820 | 1.370 |  |
| 5 | **2022-2023** | 2.905 | 605 | 820 | 1.480 |  |

1.2. Tổng số viên chức, người lao động: 236 người (40 viên chức quản lý, 158 nhà giáo), Biến chế 205 người, hợp đồng 31 người.

1.3. CSVC, thiết bị: Sau khi sáp nhập Trường đã tiếp nhận nguyên hiện trạng về cơ sở vật chất, nhà, đất của 4 trường trước sáp nhập. Theo chủ trương sắp xếp một số cơ sở giáo dục của tỉnh, năm 2018 nhà trường đã bàn giao toàn bộ nhà, đất của cơ sở II (Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum trước đây) cho Trường Phổ thông Trung học Dân tộc nội trú tỉnh quản lý, sử dụng . Sau khi bàn giao nhà, đất cơ sở II, các cơ sở còn lại được nhà trường bố trí, sử dụng.

Tất cả 4 cơ sở của Trường đang quản lý đã được UBND tỉnh phê duyệt giữ lại tiếp tục sử dụng vào hoạt động sự nghiệp giáo dục tại Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 29/6/2021.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo do Trường quản lý và sử dụng hiện nay chủ yếu được hình thành từ các cơ sở GDNN và đào tạo giáo viên trước đây. Tất cả các hạng mục cơ sở vật chất đều sử dụng có mục đích, bảo đảm tiêu chuẩn, định mức và phát huy tính hiệu quả sử dụng trong hoạt động sự nghiệp của nhà trường.

1.4. Kết quả

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm** | **Tổng quy mô đào tạo (HSSV)** | **Phân theo trình độ, loại hình đào tạo** | **Ghi chú** |
| **Cao đẳng, trung cấp** | **Sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng** | **Liên kết đào tạo CĐ, ĐH** |
| 1 | **2018** | 8.600 | 1.370 | 5.534 | 1.696 |  |
| 2 | **2019** | 4.563 | 1.273 | 1.744 | 1.546 |  |
| 3 | **2020** | 4.179 | 587 | 2.118 | 1.474 |  |
| 4 | **2021** | 3.844 | 1.374 | 1.316 | 1.154 |  |
| 5 | **2022** | 5.608 | 1.734 | 2.104 | 1.770 |  |
| 6 | **9/2023** | 3.025 | 2.098 | 225 | 702 | Tuyển đến 12/2023 |

1.5. Hạn chế

- Tuyển sinh mặc dù có tăng trưởng hằng năm, nhưng vẫn chưa đạt chỉ tiêu giao (bình quân những năm gần đây đạt từ 75% đến 85% chỉ tiêu được giao).

- Số lượng học sinh tốt nghiệp THCS tham gia học nghề còn ít so với số lượng sau tốt nghiệp; thực trạng giải quyết việc làm cho học sinh tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng còn gặp nhiều khó khăn. Trong quá trình thực hiện liên kết đào tạo với các Trung tâm GDNN-GDTX các huyện tình trạng học sinh nghỉ học nhiều, sĩ số giảm dần qua các năm.

1.6. Kiến nghị:

- Ban cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ sửa đổi, bổ sung các vị trí chức danh lãnh đạo, quản lý tương đương của của Trường để bảo đảm quyền lợi cho đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý của Trường.

- UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung tỷ lệ phân bổ đảm bảo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế giáo dục nghề nghiệp của địa phương từ 3 Chương trình mục tiêu quốc gia cho Trường.

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh quan tâm, phân bổ nguồn lực đầu tư, nhất là từ nguồn vốn 3 Chương trình mục tiêu cho nhà trường để nhà trường tiếp tục đầu tư mua sắm nhằm khắc phục những hạn chế về thiết bị đào tạo của Trường (nhu cầu khoảng 71,773 tỷ đồng).

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh quan tâm, xem xét phân bổ kinh phí khoảng 36,609 tỷ đồng từ Nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 để nhà trường triển khai thực hiện Dự án “Mua sắm bổ sung trang thiết bị, phương tiện đào tạo Trường Cao đẳng Kon Tum giai đoạn 2023-2025” (theo như đề xuất của nhà trường tại Báo cáo số 91/BC-CĐCĐ ngày 28/4/2023 của Trường)..

**2.Các vấn đề cần bổ sung, làm rõ:**

- Quy mô đào tạo năm 2018 là 8.600 người sau đó giảm một nửa và giảm dần qua các năm.

- Năm 2019, 2020 tuyển sinh trung cấp vượt trội. Năm 2021 đến nay tuyển sinh sơ cấp vượt trội.?

- Chỉ tiêu đào tạo nghề các năm đều không đạt.

- Mục C, trang 37: kiến nghị “hướng dẫn tháo gỡ khó khăn trong việc thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng viên chức quản lý, nhà giáo trong lĩnh vực GDNN” nhêu cụ thể.

**XII. SỞ NN&PTNT.**

**1. Báo cáo của Sở NN&PTNT:** số 616/BC-UBND ngày 25/9/2023 về kết quả triển khai công tác đào tào nghề và các phụ lục kèm theo.Báo cáo cơ bản đảm bảo theo đề cương, ngày gửi báo cáo 26/9/2023 chậm hơn thời gian quy định.

1.1. Năng lực, quy mô: Tổng hợp của 03 đơn vị Trường Cao đăng Kon Tum; Trung tâm GDNN và GDTX Tu Mơ Rông và Đăk Hà.

1.2. Giáo viên: Tổng hợp của 03 đơn vị Trường Cao đăng Kon Tum; Trung tâm GDNN và GDTX Tu Mơ Rông và Đăk Hà.

1.3. CSVC, thiết bị: Tổng hợp của 03 đơn vị Trường Cao đăng Kon Tum; Trung tâm GDNN và GDTX Tu Mơ Rông và Đăk Hà.

1.5. Kết quả: Chỉ tiêu tuyển sinh của 05 đơn vị là 12.869 người (Trường cao đẳng Kon Tum, Tp Kon Tum và các Huyện Tu Mơ Rông, Đăk Hà, Ia H’Drai) huyện Ngọc Hồi không có lố liệu chỉ tiêu tuyển sinh. Kết quả thực hiện của 06 đơn vị trên là 9.465 người.

1.5. Hạn chế

- Công tác thông tin tuyên truyền chưa phong phú, sâu rộng dẫn đến một bộ phận người dân chưa quan tâm đến học nghề, chưa nhận thức đúng mục tiêu của học nghề là nhằm ổn định việc làm hoặc có thêm việc làm mới, nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập, nâng cao đời sống, góp phần xóa đói giảm nghèo

- Người lao động chưa nhận thức trách nhiệm của mình trong việc tự giác học nghề để tạo việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống, có tâm lý ngại đi học nghề, ...

- Một số huyện chế độ báo cáo chưa kịp thời; một số phòng ở cấp huyện chưa thường xuyên theo dõi, cập nhật việc thu thập thông tin và tiến độ thực hiện.

1.6. Kiến nghị:

Để tạo điều kiện cho các địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện đảm bảo các nội dung, chương trình, kế hoạch về đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn tinh, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét: giao nhiệm vụ đào tạo nghề cho cơ quan chủ quản chương trình trong việc triển khai thực hiện, tham mưu (Sở Lao động- Thương binh và Xã hội) .

Vì hiện nay, công tác theo dõi, triển khai thực hiện, báo cáo, công tác đào tạo nghề của các huyện, thành phố giao nhiệm vụ thực hiện cho Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/ Phòng Kinh tế thành phố không tham gia hướng dẫn, theo dõi nhiệm vụ, nên việc tổng hợp báo cáo công tác đào tạo nghề của các địa phương còn nhiều bất cập.

**2.Các vấn đề cần bổ sung, làm rõ:**

- Mục 2.2 trang 4: báo cáo tổng cộng 12 đơn vị GDNN kèm theo Phụ lục 03 nhưng tại phụ lục số liệu chỉ tổng hợp 03 đơn vị.

- Phụ lục 7 báo cáo kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn tuy nhiên không có số liệu chỉ tiêu hàng năm và báo cũng không đánh giá được kết quả thực hiện có đạt hay không đạt chỉ tiêu và tye lệ là bao nhiêu %.

- Báo cáo chưa thể hiện được vai trò của Sở NN&PTNT trong triển khai công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

**XIII. SỞ LĐTB&XH.**

**1. Báo cáo của Sở LĐTB&XH:** số 303/BC-SLĐTBXH ngày 09/10/2023 về kết quả triển khai công tác đào tào nghề và các phụ lục kèm theo.Báo cáo cơ bản đảm bảo theo đề cương nhưng chậm hơn thời gian quy định.

1.1. Năng lực, quy mô: Trình độ cao đẳng và trung cấp có khả năng tuyển sinh 1.425 học sinh, sinh viên (HSSV)/năm. và hệ sơ cấp 4.244 HSSV/năm.

1.2. Giáo viên:

- Số lượng, trình độ chuyên môn nhà giáo cơ hữu, nhà giáo thỉnh giảng, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy: 311 người (02 tiến sĩ 0,64%; 83 thạc sĩ 26,69%; 157 đại học 50,48%; 17 cao đẳng 5,47%; 38 trung cấp 12,22%, 10 công nhân kỹ thuật 3,22%, ngoài ra còn có 04 nhà giáo thỉnh giảng là người có tay nghề làm việc tại các công ty, hợp tác xã trên địa bàn huyện (chiếm 1,28%).

- Chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo GDNN: 289/311 nhà giáo đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ 92,97); 12/311 nhà giáo đang hoàn thiện chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, trong đó có 04 nhà giáo thỉnh giảng là người có tay nghề làm việc tại các công ty, hợp tác xã trên địa bàn huyện Đăk Hà.

1.3. CSVC, thiết bị: 95 Phòng học lý thuyết (CĐKT 43); 57 Phòng, xưởng thực hành (CĐKT 31) và các công trình phụ trợ khác.

1.4. Kết quả: Tuyển sinh, đào tạo cho 41.315/47.388 chỉ tiêu (đạt 87,18%), tốt nghiệp: 36.780 người (đạt 89,02%), có việc làm sau tốt nghiệp: 35.100 người (đạt 95,43%). Trong đó:

- Trình độ cao đẳng: Tuyển sinh, đào tạo cho 747/1.272 chỉ tiêu (đạt 58,73%), tốt nghiệp: 300 người (đạt 40,16%), có việc làm sau tốt nghiệp: 232 người (đạt 77,33%).

- Trình độ trung cấp: Tuyển sinh, đào tạo cho 2.003/2.820 chỉ tiêu (đạt 71,03%), tốt nghiệp: 540 người (đạt 26,96%), có việc làm sau tốt nghiệp: 492 người (đạt 91,11%).

- Trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng: Tuyển sinh, đào tạo cho 38.755/43.296 chỉ tiêu (đạt 89,51%), tốt nghiệp: 35.770 người (đạt 92,3%), có việc làm sau tốt nghiệp: 34.376 người (đạt 96,1%).

1.5. Hạn chế:

- Công tác thông tin tuyên truyền chưa phong phú, sâu rộng

- Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu doanh nghiệp vừa và nhỏ, chủ yếu kinh doanh theo hình thức hộ gia đình và theo mùa vụ nên nhu cầu đào tạo lao động, sử dụng lao động kỹ thuật phục vụ dây chuyền sản xuất, kinh doanh không nhiều.

- Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của các cơ sở GDNN còn hạn chế, không còn phù hợp.

- Lực lượng nhà giáo GDNN còn mỏng, chưa đáp ứng nhu cầu đào tạo các ngành nghề gắn với thị trường lao động.

- Công tác phối hợp tư vấn, khảo sát nhu cầu đào tạo nghề của người lao động ở một số xã, phường còn chưa sát với thực tế.

- Năm 2023 một số huyện (Sa Thầy, Tu Mơ Rông, Đăk Hà, Đăk Tô, Kon Tum, Ia H’Drai) chưa thực hiện tuyển sinh, đào tạo; số liệu tuyển sinh, đào tạo tại Trường Cao đẳng Kon Tum và các trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện tới thời điểm báo cáo là 1.116/3.700 chỉ tiêu (đạt 30,16%).

- Công tác tuyển sinh, đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành nghề thuộc lĩnh vực GDNN mặc dù có tăng trưởng hằng năm, nhưng vẫn chưa đạt chỉ tiêu giao (bình quân những năm gần đây đạt từ 62-74% chỉ tiêu được giao). tình trạng học sinh nghỉ học nhiều, nên việc duy trì sĩ số lớp học gặp nhiều khó khăn (do sĩ số giảm dần qua các năm).

1.6. Kiến nghị:

- Đối với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

+ Bổ sung Trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện là đối tượng thụ hưởng ở các nội dung về GDNN thuộc 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025.

+ Đưa Trường Cao đẳng Kon Tum vào danh sách quy doạch các trường chất lượng cao; ban hành danh mục ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

+ Có văn bản hướng dẫn thực hiện chi trả tiền dạy thêm giờ đối với các lớp dịch vụ, trong đó xem xét việc thực hiện chi trả kinh phí dạy thêm giờ của các lớp đào tạo nghề cho người lao động được sử dụng trực tiếp từ nguồn thu của các lớp này để thanh toán riêng ngoài khối lượng vượt định mức 200-300 giờ theo quy định.

- Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành văn bản quy định việc giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông trong các cơ sở GDNN theo đúng khoản 4 Điều 8 Luật Giáo dục 2019, khoản 4 Điều 33 Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014, Quyết định 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 và Chỉ thị 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở GDNN, các tổ chức khác đủ điều kiện đều có trách nhiệm tham gia thúc đẩy giáo dục thường xuyên theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với Bộ Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản hướng dẫn tháo gỡ khó khăn trong việc thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng viên chức quản lý, nhà giáo trong lĩnh vực GDNN để các cơ sở GDNN có cơ sở triển khai thực hiện.

**2.Các vấn đề cần bổ sung, làm rõ:**

- Phụ lục 01 không có văn bản ban hành năm 2018.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Kế hoạch số 83/KH-SLĐTBXH ngày 25/10/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội vế tổ chức tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kon Tum tuy nhiên không triệu tập được học sinh về tại tỉnh nên không triển khai thực hiện theo kế hoạch ban đầu? Có triển khai được về cơ sở không?

XIV. TRUNG TÂM GDNN LÁI XE KORUKO.

XV. TRUNG TÂM GDNN KỸ THUẬT VẬN TẢI.

**ĐÁNH GIÁ CHUNG BÁO CÁO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

**1.** Ưu điểm:

- Tất cả các huyện đều thực hiện mở lớp đảm bảo chỉ tiêu được giao hàng năm. Trong đó một đơn vị đào tạo số lượng nhiều, đạt vượt chi tiêu đào tạo nghề phi nông nghiệp theo nhu cầu từng năm như: Đăk Hà, Sa Thầy, Kon Plong…

- Phát huy hiệu quả nghề (học viên được đào tạo nghề sau khi tốt nghiệp đã tạo được việc làm): Đăk hà 100%; Sa Thầy 100%; Kon Plong 100%; Kon Rẫy 100%; Tu Mơ Rông 100%; Đăk Tô: 80%; Ngọc Hồi 92%; ĐăkLei 69%; TP Kon Tum 94,7%

- Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo được đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo; Giáo viên cơ hữu tham gia giảng dạy đều đạt chuẩn GDNN

- Một số đơn vị thực hiện tốt liên kết đào tạo với doanh nghiệp như huyện Đăk Hà (gắn kết giáo dục nghề nghiệp với các doanh nghiệp như Hợp tác xã trồng nấm cựu quân nhân, Hợp tác xã cà phê sạch Bắc Tây Nguyên Fam tại xã Đăk Hring, Công ty TNHH tơ tằm Minh Tuyết chi nhánh tại Gia Lai….). Huyện Đăk Tô:trên địa bàn xã Đăk Rơ Nga hiện đang có 01 Tổ xây dựng tập hợp các thành viên là học viên đã từng tham gia các lớp đào tạo nghề Nề hoàn thiện do Trung tâm GDNN - GDTX tổ chức

2. Khuyết điểm, hạn chế:

- Nhu cầu người học thay đổi, ảnh hưởng việc khảo sát và tổ chức mở lớp

- Một số đơn vị chưa đạt chỉ tiêu qua các năm khác nhau như: 2020 (Sa Thầy, Ngọc Hồi); 2021 đạt rất thấp (Đăk Hà, Đăk Tô…),

- Thiết bị đào tạo một số thiết bị đào tạo chưa phát huy hiệu quả:

+ Huyện Đăk Hà: Xưởng chế biến gỗ, các thiết bị chế biến gỗ, thiết bị mây tre đan, thiết bị nghề th

+ Sa Thầy: thiết bị nghề mộc

+ Đăk Tô: Thiết bị đào tạo nghề Điện dân dụng - điện lạnh, nghề May dân dụng - may công nghiệp, nghề Gò hàn, nghề mộc

+ Ngọc Hồi: thiết bị nghề điện dân dụng

Nguyên nhân: không có giáo viên nghề để sử dụng; trước đây có nhu cầu nhưng đến nay không có nhu cầu học nghề trên; thiết bị đã lâu, cũ kỹ lạc hậu so với yêu cầu kỹ thuật hiện nay…

- Có đơn vị chưa được đầu tư nhà thực hành, thiết bị dạy nghề, chủ yếu là dạy lưu động (Tu Mơ Rông); Một số thiết bị yêu cầu trang bị để đào tạo theo yêu cầu ngành nghề mới nhưng chưa được hỗ trợ.

- Giáo viên: Cơ cấu giáo viên nghề ở mỗi trung tâm khác nhau, có nơi bố trí nhiều và có thực hiện thỉnh giảng (Đăk Hà 13 người), có noi bố trí đảm bảo (Đăk Tô 8 người, Tu Mơ Rông 8; Kon Rẫy 9) có nơi ít (Sa Thầy 1, Ngọc Hồi 2)

- Liên kết đào tạo với doanh nghiệp trên địa bàn đào tạo rất hạn chế.

- Danh mục nghề được ban hành định mức kinh tê - kỹ thuật chưa đáp ứng được nhu cầu xu thế phát triển một số ngành nghề hiện nay (nghề truyền thống găn với du lịch cộng đồng,

3.Các vấn đề làm rõ:

- Giao chi tiêu các trung tâm nghề cơ bản hàng năm đồng đều, ít chênh lệch, tuy nhiên giáo viên trung tâm nghề từng đơn vị khác nhau. Việc đảm bảo cho dạy nghề với số lượng gần như tương nhau sẽ thực hiện như thế nào? Một số ngành nghề địa bàn có nhu cầu nhưng không đáp ứng được giáo viên thì thực hiện như thế nào?

- Hình thức đào tạo đối với nghề sơ cấp và dưới 3 tháng; hình thức liên kết dạy nghề giữa các trung tâm trong toàn tỉnh để đào tạo nghề

- Hầu hết các đơn vị chưa có giải pháp xử lý đối với thiết bị nghề không phát huy hiệu quả; chưa đề xuất thiết bị đào tạo nghề theo các ngành nghề mới

- Trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện không thuộc đối tượng thụ hưởng các chính sách liên quan đến giáo dục nghề nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (Theo Công văn số 1516/TCGDNN-KHTC ngày 31/7/2023 của Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp)